

§.5 ELIP

A - CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA ĐƯỜNG TRÒN

- Câu 1.** [0H3-3] Cho elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$ và cho các mệnh đề:
- (I) (E) có các tiêu điểm $F_1(-4; 0)$ và $F_2(4; 0)$;
(II) (E) có tỉ số $\frac{c}{a} = \frac{4}{5}$;
(III) (E) có đỉnh $A_1(-5; 0)$;
(IV) (E) có độ dài trục nhỏ bằng 3.
Tìm mệnh đề sai trong các mệnh đề sau:
A. (I) và (II). **B.** (II) và (III). **C.** (I) và (III). **D.** (II) và (IV).
- Câu 2.** [0H3-3] Cho elip $(E): x^2 + 4y^2 = 1$ và cho các mệnh đề:
- (I) (E) có trục lớn bằng 1; (II) (E) có trục nhỏ bằng 4;
(III) (E) có tiêu điểm $F_1\left(0; \frac{\sqrt{3}}{2}\right)$; (IV) (E) có tiêu cự bằng $\sqrt{3}$.
Tìm mệnh đề đúng trong các mệnh đề sau:
A. (I). **B.** (II) và (IV). **C.** (I) và (III). **D.** (IV).
- Câu 3.** [0H3-2] Một elip có trục lớn bằng 26, tỉ số $\frac{c}{a} = \frac{12}{13}$. Trục nhỏ của elip bằng bao nhiêu?
A. 5. **B.** 10. **C.** 12. **D.** 24.
- Câu 4.** [0H3-3] Cho elip $(E): 4x^2 + 9y^2 = 36$. Tìm mệnh đề sai trong các mệnh đề sau:
A. (E) có trục lớn bằng 6. **B.** (E) có trục nhỏ bằng 4.
C. (E) có tiêu cự bằng $\sqrt{5}$. **D.** (E) có tỉ số $\frac{c}{a} = \frac{\sqrt{5}}{3}$.
- Câu 5.** [0H3-3] Dây cung của elip $(E): \frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1 (0 < b < a)$ vuông góc với trục lớn tại tiêu điểm có độ dài là
A. $\frac{2c^2}{a}$. **B.** $\frac{2b^2}{a}$. **C.** $\frac{2a^2}{c}$. **D.** $\frac{a^2}{c}$.
- Câu 6.** [0H3-1] Cặp điểm nào là các tiêu điểm của elip $(E): \frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$?
A. $F_{1,2} = (\pm 1; 0)$. **B.** $F_{1,2} = (\pm 3; 0)$. **C.** $F_{1,2} = (0; \pm 1)$. **D.** $F_{1,2} = (1; \pm 2)$.
- Câu 7.** [0H3-1] Elip $(E): \frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{4} = 1$ có tâm sai bằng bao nhiêu?

A. $e = \frac{3}{2}$. B. $e = -\frac{\sqrt{5}}{3}$. C. $e = \frac{2}{3}$. D. $e = \frac{\sqrt{5}}{3}$.

Câu 8. [0H3-1] Cho elip $(E): \frac{x^2}{p^2} + \frac{y^2}{q^2} = 1$ với $p > q > 0$, khi đó tiêu cự của elip (E) bằng
A. $p + q$. B. $p^2 - q^2$. C. $p - q$. D. $2\sqrt{p^2 - q^2}$.

Câu 9. [0H3-1] Cho elip (E) có hai tiêu điểm F_1, F_2 và có độ dài trục lớn bằng $2a$. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng?
A. $2a = F_1F_2$. B. $2a > F_1F_2$. C. $2a < F_1F_2$. D. $4a = F_1F_2$.

Câu 10. [0H3-1] Cho một elip (E) có phương trình chính tắc $\frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1$. Gọi $2c$ là tiêu cự của (E) . Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào đúng?
A. $c^2 = a^2 + b^2$. B. $b^2 = a^2 + c^2$. C. $a^2 = b^2 + c^2$. D. $c = a + b$.

Câu 11. [0H3-2] Cho elip (E) có phương trình chính tắc $\frac{x^2}{100} + \frac{y^2}{36} = 1$. Trong các điểm có tọa độ sau đây điểm nào là tiêu điểm của elip (E) ?
A. $(10; 0)$. B. $(6; 0)$. C. $(4; 0)$. D. $(-8; 0)$.

Câu 12. [0H3-1] Tâm sai của Elip $(E): \frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$ bằng
A. $\frac{\sqrt{5}}{4}$. B. 0, 4. C. $\frac{1}{\sqrt{5}}$. D. 0,2.

Câu 13. [0H3-3] Cho Elip có phương trình $(E): 9x^2 + 25y^2 = 225$. Lúc đó hình chữ nhật cơ sở có diện tích bằng
A. 15. B. 40. C. 60. D. 30.

Câu 14. [0H3-2] Đường thẳng nào dưới đây là một đường chuẩn của Elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{12} = 1$.
A. $x + \frac{4}{3} = 0$. B. $x + 2 = 0$. C. $x - \frac{3}{4} = 0$. D. $x + 8 = 0$.

Câu 15. [0H3-2] Đường Elip $(E): \frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{6} = 1$ có một tiêu điểm là
A. $(0; 3)$. B. $(0; \sqrt{3})$. C. $(-\sqrt{3}; 0)$. D. $(3; 0)$.

Câu 16. [0H3-2] Đường Elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{7} = 1$ có tiêu cự bằng
A. 18. B. 6. C. 9. D. 3.

Câu 17. [0H3-3] Một Elip có trục lớn bằng 26 , tâm sai $e = \frac{12}{13}$ Trục nhỏ của elip có độ dài bằng bao nhiêu?
A. 10 . **B.** 12 . **C.** 24 . **D.** 5 .

Câu 18. [0H3-2] Đường Elip $(E): \frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$ có tiêu cự bằng
A. 2 . **B.** 4 . **C.** 9 . **D.** 1 .

Câu 19. Đường thẳng nào dưới đây là một đường chuẩn của Elip $\frac{x^2}{20} + \frac{y^2}{15} = 1$.
A. $x + 4\sqrt{5} = 0$. **B.** $x - 4 = 0$. **C.** $x + 2 = 0$. **D.** $x + 4 = 0$

Câu 20. Đường Elip $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{7} = 1$ có tiêu cự bằng
A. 3 . **B.** 6 . **C.** $\frac{9}{16}$. **D.** $\frac{6}{7}$.

Câu 21. Elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$ có tâm sai bằng bao nhiêu?
A. $\frac{4}{5}$. **B.** $\frac{5}{4}$. **C.** $\frac{5}{3}$. **D.** $\frac{3}{5}$.

Câu 22. [0H3-1] Trong các phương trình sau, phương trình nào là phương trình chính tắc của elip:
A. $4x^2 + 8y^2 = 32$. **B.** $\frac{x^2}{1} + \frac{y^2}{1} = 1$. **C.** $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{16} = -1$. **D.** $\frac{x^2}{8} - \frac{y^2}{4} = 1$.

Câu 23. [0H3-1] Cho elip $(E): \frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{4} = 1$. Chọn khẳng định **sai**:
A. Điểm $A(-3; 0) \in (E)$. **B.** (E) có tiêu cự bằng $2\sqrt{5}$.
C. Trục lớn của (E) có độ dài bằng 6 . **D.** (E) có tâm sai bằng $\frac{3\sqrt{5}}{5}$.

B – PHƯƠNG TRÌNH ELIP

Câu 24. [0H3-2] Phương trình chính tắc của elip có hai đỉnh là $(-3; 0)$, $(3; 0)$ và hai tiêu điểm là $(-1; 0)$, $(1; 0)$ là
A. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{1} = 1$. **B.** $\frac{x^2}{8} + \frac{y^2}{9} = 1$. **C.** $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{8} = 1$. **D.** $\frac{x^2}{1} + \frac{y^2}{9} = 1$.

Câu 25. [0H3-3] Cho elip (E) có tiêu điểm $F_1(4; 0)$ và có một đỉnh là $A(5; 0)$. Phương trình chính tắc của (E) là
A. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$. **B.** $\frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$. **C.** $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$. **D.** $\frac{x}{5} + \frac{y}{4} = 1$.

- Câu 26. [0H3-3]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có trục lớn gấp đôi trục bé và có tiêu cự bằng $4\sqrt{3}$
- A. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{9} = 1$. B. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{24} = 1$. C. $\frac{x^2}{24} + \frac{y^2}{6} = 1$. **D. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{4} = 1$.**
- Câu 27. [0H3-2]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có tâm sai bằng $\frac{1}{3}$ và trục lớn bằng 6
- A. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{3} = 1$. B. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{8} = 1$. C. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{5} = 1$. **D. $\frac{x^2}{6} + \frac{y^2}{5} = 1$.**
- Câu 28. [0H3-3]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có một đường chuẩn là $x+4=0$ và một tiêu điểm là điểm $(1;0)$
- A. $\frac{x^2}{4} + \frac{y^2}{3} = 1$.** B. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{15} = 1$. C. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{9} = 0$. **D. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{8} = 1$.**
- Câu 29. [0H3-3]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có tiêu cự bằng 6 và đi qua điểm $A(5;0)$
- A. $\frac{x^2}{100} + \frac{y^2}{81} = 1$. B. $\frac{x^2}{15} + \frac{y^2}{16} = 1$. **C. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$.** **D. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$.**
- Câu 30. [0H3-2]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có trục lớn gấp đôi trục bé và đi qua điểm $(2;2)$
- A. $\frac{x^2}{24} + \frac{y^2}{6} = 1$. B. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{9} = 1$. C. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{4} = 1$. **D. $\frac{x^2}{20} + \frac{y^2}{5} = 1$.**
- Câu 31. [0H3-3]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có một đỉnh của hình chữ nhật cơ sở là $M(4;3)$
- A. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{9} = 1$.** B. $\frac{x^2}{16} - \frac{y^2}{9} = 1$. C. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{4} = 1$. **D. $\frac{x^2}{4} + \frac{y^2}{3} = 1$.**
- Câu 32. [0H3-2]** Phương trình của Elip có độ dài trục lớn bằng 8, độ dài trục nhỏ bằng 6 là
- A. $9x^2 + 16y^2 = 144$.** B. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{16} = 1$. C. $9x^2 + 16y^2 = 1$. **D. $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{36} = 1$.**
- Câu 33. [0H3-2]** Tìm phương trình chính tắc của Elip đi qua điểm $(6;0)$ và có tâm sai bằng $\frac{1}{2}$
- A. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{27} = 1$.** B. $\frac{x^2}{6} + \frac{y^2}{3} = 1$. C. $\frac{x^2}{6} + \frac{y^2}{2} = 1$. **D. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{18} = 1$.**
- Câu 34. [0H3-2]** Trong các phương trình sau, phương trình nào biểu diễn một elíp có khoảng cách giữa các đường chuẩn là $\frac{50}{3}$ và tiêu cự 6 ?
- A. $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{25} = 1$. B. $\frac{x^2}{89} + \frac{y^2}{64} = 1$. **C. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$.** **D. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{7} = 1$.**
- Câu 35. [0H3-2]** Tìm phương trình chính tắc của Elip có tiêu cự bằng 6 và trục lớn bằng 10
- A. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$. B. $\frac{x^2}{100} + \frac{y^2}{81} = 1$. C. $\frac{x^2}{25} - \frac{y^2}{16} = 1$. **D. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$.**

- Câu 36.** Phương trình chính tắc của Elip có tâm sai $e = \frac{4}{5}$, độ dài trục nhỏ bằng 12 là
- A. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{25} = 1$. B. $\frac{x^2}{100} + \frac{y^2}{36} = 1$. C. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{36} = 1$. D. $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{36} = 1$.
- Câu 37.** Tìm phương trình chính tắc của Elip có một đường chuẩn là $x + 5 = 0$ và đi qua điểm $(0; -2)$.
- A. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{12} = 1$. B. $\frac{x^2}{20} + \frac{y^2}{4} = 1$. C. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{10} = 1$. D. $\frac{x^2}{20} + \frac{y^2}{16} = 1$.
- Câu 38.** Tìm phương trình chính tắc của Elip đi qua điểm $(2; 1)$ và có tiêu cự bằng $2\sqrt{3}$.
- A. $\frac{x^2}{8} + \frac{y^2}{5} = 1$. B. $\frac{x^2}{8} + \frac{y^2}{2} = 1$. C. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{4} = 1$. D. $\frac{x^2}{6} + \frac{y^2}{3} = 1$.
- Câu 39.** [0H3-2] Phương trình chính tắc của elip đi qua $A(0; -4)$ và có tiêu điểm $F(3; 0)$ là
- A. $\frac{x^2}{25} - \frac{y^2}{16} = 1$. B. $\frac{x^2}{13} + \frac{y^2}{4} = 1$. C. $\frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$. D. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$.
- Câu 40.** [0H3-2] Phương trình chính tắc của elip đi qua hai điểm $A(\sqrt{2}; \sqrt{3})$ và $B(2; \sqrt{2})$ là
- A. $\frac{x^2}{8} + \frac{y^2}{4} = 1$. B. $\frac{x^2}{1} + \frac{y^2}{1} = 1$. C. $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{16} = 1$. D. $8x^2 + 4y^2 = 32$.
- Câu 41.** [0H3-1] Elip (E) có độ dài trục bé bằng 8 và độ dài trục lớn bằng 12 có phương trình chính tắc là
- A. $\frac{x^2}{36} - \frac{y^2}{16} = 1$. B. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{16} = 1$. C. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{16} = -1$. D. $\frac{x^2}{144} + \frac{y^2}{64} = 1$.
- Câu 42.** [0H3-3] Elip (E) có độ dài trục lớn bằng 12 và tâm sai bằng $\frac{1}{3}$ có phương trình chính tắc là
- A. $\frac{x^2}{36} + \frac{y^2}{32} = 1$. B. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{8} = 1$. C. $\frac{x^2}{18} + \frac{y^2}{16} = 1$. D. $\frac{x^2}{144} + \frac{y^2}{128} = 1$.
- Câu 43.** [0H3-3] Elip (E) có độ dài trục bé bằng 8 và tâm sai bằng $\frac{1}{3}$ có phương trình chính tắc là
- A. $\frac{x^2}{9} + \frac{y^2}{8} = 1$. B. $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$. C. $\frac{x^2}{18} + \frac{y^2}{16} = 1$. D. $\frac{x^2}{18} - \frac{y^2}{16} = 1$.
- Câu 44.** [0H3-3] Elip (E) có tiêu điểm $F(2\sqrt{3}; 0)$ và diện tích hình chữ nhật cơ sở bằng 32 có phương trình chính tắc là
- A. $\frac{x^2}{64} + \frac{y^2}{16} = 1$. B. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{4} = 1$. C. $\frac{x^2}{4} + \frac{y^2}{16} = 1$. D. $\frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{4} = -1$.

C – ĐIỂM THUỘC ELIP

- Câu 45.** [0H3-3] Cho elip $(E): \frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1$ ($0 < b < a$). Gọi F_1, F_2 là hai tiêu điểm và cho điểm $M(0; -b)$. Giá trị nào sau đây bằng giá trị biểu thức $MF_1 \cdot MF_2 - OM^2$?
- A. c^2 . B. $2a^2$. C. $2b^2$. D. $a^2 - b^2$.
- Câu 46.** [0H3-2] Cho elip có các tiêu điểm $F_1(-3; 0), F_2(3; 0)$ và đi qua $A(-5; 0)$. Điểm $M(x; y)$ thuộc elip đã cho có các bán kính qua tiêu điểm là bao nhiêu?
- A. $MF_1 = 5 + \frac{3}{5}x, MF_2 = 5 - \frac{3}{5}x$. B. $MF_1 = 5 + \frac{4}{5}x, MF_2 = 5 - \frac{4}{5}x$.
C. $MF_1 = 3 + 5x, MF_2 = -3 - 5x$. D. $MF_1 = 5 + 4x, MF_2 = 5 - 4x$.
- Câu 47.** [0H3-1] Cho điểm $M(2; 3)$ nằm trên đường elip (E) có phương trình chính tắc: $\frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1$. Trong các điểm sau đây điểm nào không nằm trên (E) :
- A. $M_1(-2; 3)$. B. $M_2(2; -3)$. C. $M_3(-2; -3)$. D. $M_4(3; 2)$.
- Câu 48.** [0H3-3] Cho Elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{9} = 1$. M là điểm nằm trên (E) . Lúc đó đoạn thẳng OM thỏa
- A. $4 \leq OM \leq 5$. B. $OM \geq 5$. C. $OM \leq 3$. D. $3 \leq OM \leq 4$.
- Câu 49.** [0H3-3] Biết Elip (E) có các tiêu điểm $F_1(-\sqrt{7}; 0), F_2(\sqrt{7}; 0)$ và đi qua $M(-\sqrt{7}; \frac{9}{4})$. Gọi N là điểm đối xứng với M qua gốc tọa độ. Khi đó:
- A. $NF_1 + MF_2 = \frac{9}{2}$. B. $NF_2 + MF_1 = \frac{23}{2}$. C. $NF_2 - NF_1 = \frac{7}{2}$. D. $NF_1 + MF_1 = 8$.
- Câu 50.** [0H3-3] Cho Elíp có phương trình $16x^2 + 25y^2 = 100$. Tính tổng khoảng cách từ điểm thuộc Elíp có hoành độ $x=2$ đến hai tiêu điểm.
- A. $\sqrt{3}$. B. $2\sqrt{2}$. C. 5 . D. $4\sqrt{3}$.
- Câu 51.** [0H3-2] Cho Elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{12} = 1$ và điểm M nằm trên (E) . Nếu điểm M có hoành độ bằng 1 thì các khoảng cách từ M tới 2 tiêu điểm của (E) bằng
- A. $4 \pm \sqrt{2}$. B. 3 và 5. C. 3,5 và 4,5. D. $4 \pm \frac{\sqrt{2}}{2}$.
- Câu 52.** [0H3-4] Đường thẳng qua $M(1; 1)$ và cắt Elíp $(E): 4x^2 + 9y^2 = 36$ tại hai điểm M_1, M_2 sao cho $MM_1 = MM_2$ có phương trình là
- A. $2x + 4y - 5 = 0$. B. $4x + 9y - 13 = 0$.
C. $x + y + 5 = 0$. D. $16x - 15y + 100 = 0$.

Câu 53. [0H3-3] Cho Elip $(E): \frac{x^2}{169} + \frac{y^2}{144} = 1$ và điểm M nằm trên (E) . Nếu điểm M có hoành độ bằng 13 thì các khoảng cách từ M tới 2 tiêu điểm của (E) bằng
A. 8 và 18. **B.** $13 \pm \sqrt{5}$. **C.** 10 và 16. **D.** $13 \pm \sqrt{10}$.

Câu 54. Cho Elip (E) có các tiêu điểm $F_1(-4;0)$, $F_2(4;0)$ và một điểm M nằm trên (E) biết rằng chu vi của tam giác MF_1F_2 bằng 18. Lúc đó tâm sai của (E) là
A. $e = -\frac{4}{5}$. **B.** $e = \frac{4}{9}$. **C.** $e = \frac{4}{18}$. **D.** $e = \frac{4}{5}$.

Câu 55. [0H3-4] Cho elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$, với tiêu điểm F_1, F_2 . Lấy hai điểm $A, B \in (E)$ sao cho $AF_1 + BF_1 = 8$. Khi đó, $AF_2 + BF_2$ bằng
A. 6. **B.** 8. **C.** 12. **D.** 10.

Câu 56. [0H3-4] Cho elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$. Tìm tọa độ điểm $M \in (E)$ sao cho M nhìn F_1, F_2 dưới một góc vuông:
A. $(-5;0)$. **B.** $(4; -\frac{9}{5})$. **C.** $(0;4)$. **D.** $(\frac{5\sqrt{7}}{4}; \frac{9}{4})$.

Câu 57. [0H3-2] Cho đường tròn (C) tâm F_1 bán kính $2a$ và một điểm F_2 ở bên trong của (C) . Tập hợp tâm M của các đường tròn (C') thay đổi nhưng luôn đi qua F_2 và tiếp xúc (C) là đường nào sau đây?
A. Đường thẳng. **B.** Đường tròn. **C.** Elip. **D.** Parabol.

Câu 58. [0H3-3] Khi cho t thay đổi, điểm $M(5\cos t; 4\sin t)$ đi động trên đường nào sau đây?
A. Elip. **B.** Đường thẳng. **C.** Parabol. **D.** Đường tròn.

D – VỊ TRÍ TƯƠNG ĐỐI

Câu 59. [0H3-3] Elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$ và đường tròn $(C): x^2 + y^2 = 25$ có bao nhiêu điểm chung?
A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 60. [0H3-3] Cho Elip $(E): \frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{9} = 1$. Đường thẳng $d: x = -4$ cắt (E) tại hai điểm M, N . Khi đó:
A. $MN = \frac{9}{25}$. **B.** $MN = \frac{18}{25}$. **C.** $MN = \frac{18}{5}$. **D.** $MN = \frac{9}{5}$.

Câu 61. [0H3-2] Đường thẳng $d: y = kx$ cắt Elip $(E): \frac{x^2}{a^2} + \frac{y^2}{b^2} = 1$ tại hai điểm
A. đối xứng nhau qua trục Oy . **B.** đối xứng nhau qua trục Ox .

C. đối xứng nhau qua gốc tọa độ O .

D. Các khẳng định trên đều sai.

Câu 62. [0H3-3] Cho elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{9} = 1$ và đường thẳng $\Delta: y + 3 = 0$. Tích các khoảng cách từ hai tiêu điểm của (E) đến đường thẳng Δ bằng giá trị nào sau đây:
A. 16. B. 9. C. 81. D. 7.

Câu 63. [0H3-3] Cho elip $(E): \frac{x^2}{16} + \frac{y^2}{9} = 1$ và đường thẳng $\Delta: y = 3$. Tích các khoảng cách từ hai tiêu điểm của (E) đến Δ bằng giá trị nào sau đây?
A. 16. B. 9. C. 81. D. 7.